

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27-8-2021

V/v tranh chấp hủy kết hôn trái
pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tươi

Bà Bùi Thị Nhàn

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Trí Thắng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1979, nơi cư trú: Thôn Tr, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Trọng A, sinh ngày 08 tháng 4 năm 1971, nơi cư trú: Thôn 5 T, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã L: Ông Tô Tuấn A – Chủ tịch UBND xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Trọng A, sinh năm 1971 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng vào ngày 01/4/1994, số thứ tự 08, quyển số 05. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại Thôn T, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Do tại thời điểm kết hôn chị chưa đủ tuổi nên đã khai tăng tuổi (chị sinh ngày 20/01/1979 khai thành Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/01/1976) để UBND xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị và anh Trần Trọng A. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống dẫn tới cuộc sống không có hạnh phúc. Bản thân chị đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng hai bên không cải thiện được mà vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nghiêm trọng. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nghiêm trọng hai bên sống ly thân không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với nhau. Do tình cảm vợ chồng giữa hai bên không còn, mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh A tại giấy đăng ký kết hôn số thứ tự 08, quyển số 05 do UBND xã L, huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng đã cấp cho chị và anh Trần Trọng A.

- Về con chung: Chị và anh Trần Trọng A có 4 con chung là Trần Thị T, sinh ngày 06/7/1995. Trần Thị D, sinh ngày 25/02/1997; Trần Khánh A, sinh ngày 22/5/2004; Trần Khánh L, sinh 22/5/2004. Đề nghị Tòa án giao con chung Trần Khánh A, Trần Khánh L cho chị nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Trần Thị T và Trần Thị D đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình.

- Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự bị đơn anh Trần Trọng A trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống anh Trần Trọng A khai như lời khai của chị Nguyễn Thị H. Nay do tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, việc anh và chị H kết hôn khi chị H chưa đủ tuổi kết hôn là trái pháp luật, chị H khởi kiện hủy kết hôn trái pháp luật, anh đồng ý và anh đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có 04 con chung như lời khai của chị H và anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng con chung Trần Khánh A, sinh ngày 22/5/2004; Trần Khánh L, sinh 22/5/2004. Đối với con chung Trần Thị T và Trần Thị D đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình. Việc cấp dưỡng nuôi con anh và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng do người đại diện theo pháp luật ông Tô Tuấn A có quan điểm:

Theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/4/1994, số thứ tự 08, quyển số 05 lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thì chị Nguyễn Thị H sinh ngày 11/ 01/1976 và anh Trần Trọng A sinh ngày 08/4/1971 kết hôn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện An Hải (nay là huyện An Dương) làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm đăng ký kết hôn cho chị H và anh A thì chị H và anh A đều đủ tuổi kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị H và anh A với lý do tại thời điểm đăng ký kết hôn chị H chưa đủ tuổi kết hôn, khi đăng ký kết hôn chị H khai tăng tuổi của mình lên để đủ tuổi kết hôn, Ủy ban nhân dân xã L đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các điều 28, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 5, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các điều 12, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 2, 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trọng A; về con chung: Giao con chung Trần Khánh A, sinh ngày 22/5/2004; Trần Khánh L, sinh 22/5/2004 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, đối với con chung Trần Thị T, sinh ngày 06/7/1995, Trần Thị D, sinh ngày 25/02/1997 đã trưởng thành, không giải quyết; về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết; về tài sản chung: không giải quyết; về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Chị Nguyễn Thị H, anh Trần Trọng A và Ủy ban nhân dân xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều

228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị H, anh Trần Trọng A, Ủy ban nhân dân xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị H cung cấp và do Tòa án thu thập, có cơ sở xác định chị H đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Trần Trọng A có địa chỉ: Thôn , Tr, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, quan hệ pháp luật chị H yêu cầu giải quyết là “Tranh chấp về hủy kết hôn trái pháp luật” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Xét đơn khởi kiện về việc yêu cầu hủy kết hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trọng A kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 01/4/1994 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn năm 1994 của Ủy ban nhân dân xã L thì tại Quyền 05 số thứ tự 08 ngày 01/4/1994 thể hiện họ tên chồng Trần Trọng A sinh ngày 08/4/1971 và họ tên vợ Nguyễn Thị H sinh ngày 11/01/1976. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị H cung cấp như: Giấy khai sinh, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định chị Nguyễn Thị H sinh ngày 20/01/1979. Vì vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 01/4/1994) với anh Trần Trọng A thì chị H được 15 tuổi 02 tháng 11 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật vi phạm Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Quá trình chung sống giữa chị H và anh A đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên đều có quan điểm đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trọng A và hủy giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 01/4/1994 theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1994 của Ủy ban nhân dân xã Lê Lợi, huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng là phù hợp với theo quy định theo quy định tại các điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1, 2, 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trọng A có 04 con chung Trần Thị T, sinh ngày 06/7/1995. Trần Thị D, sinh ngày 25/02/1997; Trần Khánh A, sinh ngày 22/5/2004; Trần Khánh L, sinh 22/5/2004. Chị H và anh A đều có quan điểm thống nhất giao con chung Trần Khánh A, Trần Khánh L cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, đối với con chung Trần Thị T, Trần Thị D đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình, Hội đồng xét xử không giải quyết. Xét quan điểm của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận và giao con chung Trần Khánh A và Trần Khánh L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng khi hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị H và anh A đến khi các

con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Đối với con chung Trần Thị T, Trần Thị D đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trọng A thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử tạm thời không giải quyết

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trọng A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử tạm thời không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với việc đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã L, huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng: Căn cứ đề nghị của công dân nên Ủy ban nhân dân xã L đã chứng nhận kết hôn cho chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trọng A. Việc chị H khi kết hôn chưa đủ tuổi, vi phạm luật hôn nhân và gia đình năm 1986 là do lỗi của chị H khai không đúng tuổi của mình, việc chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã L là đúng thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 5, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các điều 12, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 2, 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H: Huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Trọng A; huỷ giấy đăng ký kết hôn số 08 ngày 01/4/1994 theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1994 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Khánh A, sinh ngày 22/5/2004; Trần Khánh L, sinh 22/5/2004 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử tạm thời không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với con chung Trần Thị T, sinh ngày 06/7/1995. Trần Thị D, sinh ngày 25/02/1997 đã trưởng thành Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử tạm thời không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0013832 ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm theo quy định.

Trong trường hợp Bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng
- Đương sự;
- UBND xã Lê Lợi (ĐKKH số 08 ngày 01/4/1994);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương